



SUTTANTAPIṬAKE KHUDDAKANIKĀYE

VIMĀNAVATTHUPĀḶI

&

CHUYỆN THIÊN CUNG

3. 8.

659. Pītavatthe pītadhaje pītālankārabhūsite,
pītantarāhi vaggihi apīlandhāva¹ sobhasi.
660. Kā kambukeyūradhare² kañcanāveḷabhūsite,
hemajālakapacchane³ nānāratanamālīni.
661. Sovaṇṇamayā lohitaṅkamayā ca⁴
muttāmayā veḷuriyamayā ca,⁵
masāragallā saha lohitaṅkā
pārāvatakkhīhi⁶ maṇīhi cittaṭṭā.⁷
662. Koci koci ettha mayūrasussaro
haṃsassarañño karavīkasussaro,
tesaṃ saro sūyati⁸ vaggurūpo
pañcaṅgikaṃ turīyam⁹ ivappavāditaṃ.
663. Ratho ca te subho vaggi¹⁰ nānāratana-cittito,¹¹
nānāvaṇṇāhi¹² dhātūhi suvibhatto va sobhati.
664. Tasmim rathe kañcanabimbavaṇṇe
yā tvaṃ ṭhitā¹³ bhāsasimaṃ padesaṃ,
devate pucchitācikkha kissa kamma-sidaṃ phalaṃ 'ti.
665. Sovaṇṇajālaṃ maṇisoṇṇacittitaṃ¹⁴
muttācittaṃ¹⁵ hemajālena channaṃ,
parinibbute gotame appameyye
pasanna-cittā ahamābhiropayim.
666. Tāhaṃ kammaṃ karitvāna kusalaṃ buddhavaṇṇitaṃ,
apetasokā sukhitā sampamodāmanāmayā "ti.

Mallikāvimaṇaṃ.

¹ apilandhā va - Syā, PTS.

² kā kambukāyūradhare - Ma; kā kambukāyuradhare - Syā, PTS.

³ hemajālakasañchane - Ma, Syā.

⁴ lohitaṅgamayā ca - Ma; lohitaṅkamayā - PTS.

⁵ veḷuriyāmayā ca - Syā, PTS.

⁶ pārāvatakkhīhi - Ma, Syā, PTS; pārāvatakkhīhi - Aṭṭhakathā.

⁷ cittaṭṭā - Ma, Syā, PTS.

⁸ sūyati - Ma, Syā, PTS, evaṃ sabbattha.

⁹ turīyam - Ma.

¹⁰ vaggū - Syā.

¹¹ nānāratana-cittaṅgo - Syā.

¹² nānāvaṇṇīhi - Syā.

¹³ yattha ṭhitā - Syā; yatthaṭṭhitā - Sī.

¹⁴ maṇisoṇṇacittaṃ - Syā, PTS, Sī.

¹⁵ muttācittaṃ - Syā.

3. 8.

659. “Hỡi cô nàng có trang phục màu vàng, có cờ hiệu màu vàng, đã được tô điểm với các vật trang sức màu vàng, với các tấm choàng xinh xắn màu vàng, nàng vẫn tỏa sáng đâu không trang điểm.

660. Nàng là ai, hỡi cô nàng có mang các vòng xuyên bằng vàng, được tô điểm với vòng hoa đội đầu bằng vàng, được che phủ với màn lưới bằng vàng, có tràng hoa gồm nhiều châu ngọc khác loại?

661. (Các tràng hoa) được làm bằng vàng, làm bằng hồng ngọc, làm bằng ngọc trai, và làm bằng ngọc bích, với các viên ngọc mắt mèo và các viên hồng ngọc, được điểm tô với các viên ngọc ma-ni tựa như mắt chim bồ câu.

662. Ở đây (trong số các tràng hoa), cái này có âm điệu êm dịu của chim công, cái khác có âm điệu của chim thiên nga, cái kia có âm điệu êm dịu của chim *karavika*; âm điệu của chúng, có vẻ đáng yêu, được nghe như là nhạc cụ gồm năm loại đã được tấu lên.

663. Và được điểm tô với nhiều châu ngọc khác loại, tựa như đã khéo được phân bố với các phần tử có nhiều kiểu cách khác nhau, cỗ xe đẹp để xinh xắn của nàng, tỏa sáng.

664. Đứng ở cỗ xe ấy, trong dáng vẻ của hình tượng bằng vàng, nàng chiếu sáng khoảnh đất này. Hỡi nàng tiên, đã được hỏi, mong nàng thuật lại quả báu này là của nghiệp nào?”

665. “Khi đức Gotama, đấng Vô Lượng, viên tịch Niết Bàn, với tâm tịnh tín, tôi đã cúng dâng tấm màn lưới bằng vàng được tô điểm với các viên ngọc ma-ni và vàng, được kết chuỗi với các viên ngọc trai, được che phủ bởi mạng lưới bằng vàng .

666. Sau khi đã thực hiện việc làm ấy, là việc tốt lành đã được đức Phật khen ngợi, với sự sâu muộn đã được tiêu trừ, được an vui, tôi khởi tâm hân hoan, không có tật bệnh.”

Thiên cung của Mallikā.